

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7- VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2026/HNGĐ-ST

Ngày 20/8/2026

Về việc: “Ly hôn, Tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Phúc.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lan Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Trang, Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 8 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 về việc “Ly hôn, Tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm: 2001; Địa chỉ: B, ấp H, xã T, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm: 1995; Địa chỉ: E, ấp H (nay là ấp H), xã T, tỉnh Vĩnh Long

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/4/2026, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:

Bà và bị đơn là ông Võ Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre (cũ). Nay là Ủy Ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long, vào ngày 14/02/2022. Hôn nhân do tự nguyện. Sau kết hôn, trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó, cuộc sống hôn nhân vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm, ông T không lo cho vợ con nên bà và ông T đã sống ly thân nhau kể từ tháng 10/2025 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà có yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên là Võ Tuệ M, sinh ngày 16/10/2024 hiện do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, bà không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại bà bận công việc riêng và phải chăm sóc con còn nhỏ, không có điều kiện đi lại, bà không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn của bà và ông T được nên bà có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bà sẽ không có khiếu nại.

Tại biên bản xác minh ngày 01/7/2026, bị đơn là ông Võ Văn T trình bày:

Ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị Ngọc G chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre (cũ). Nay là Ủy Ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long, vào năm 2022. Hôn nhân do tự nguyện. Quá trình chung sống giữa ông và bà G đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hiện tại giữa ông và bà G đã sống ly thân với nhau. Theo yêu cầu của bà G về việc bà G xin ly hôn với ông thì ông không đồng ý vì ông còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Ông và bà G có 01 con chung như bà G trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà G ly hôn thì ông có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, ông không yêu cầu bà G có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại ông bận công việc riêng, không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn của ông và G được nên ông có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, ông sẽ không có khiếu nại.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Thẩm phán đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ trong quá trình tố tụng. Thẩm phán đảm bảo đúng theo thời gian giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bà G có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nên chưa thực hiện đúng quy định. Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội. Đề xuất Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn với ông Võ Văn T.
- Về con chung: Giao con chung Võ Tuệ M, sinh ngày 16/10/2024 cho bà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà G không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà G và ông T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*: Đối với bà Nguyễn Thị Ngọc G và ông Võ Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà G và ông T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà G và ông T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre (cũ). Nay là Ủy Ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long, vào ngày 14/02/2022 nên quan hệ hôn nhân của ông bà được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy hôn nhân của bà G và ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai phía. Quá trình chung sống ông bà đã xảy ra bất đồng quan điểm nên không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Theo bà G trình bày, bà và ông T đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm tới ai nên bà đã tự chia tay và sống ly thân với ông T, bà và ông T không còn quan tâm với nhau nữa. Do bà G không còn tình cảm vợ chồng với ông T nữa nên bà có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Tòa án đã động viên bà G trở về cùng đoàn tụ nhưng bà G không đồng ý vẫn cương quyết xin ly hôn với ông T.

Qua đó cho thấy, cuộc sống hôn nhân của bà G và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà G cho bà G được ly hôn với ông T.

Xét yêu cầu xin đoàn tụ của ông T là không có căn cứ vì hiện tại ông T và bà G đã chấm dứt quan hệ hôn nhân. Ông T cho rằng hiện tại bà G và ông đã sống ly thân nhau nhưng ông vẫn còn thương vợ, thương con, ông không đồng ý ly hôn với bà G. Tuy nhiên, ông không có cơ sở chứng minh ông và bà G có thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau được nữa. Do đó, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông T.

- *Về con chung*: bà G và ông T có 01 con chung tên là Võ Tuệ M, sinh ngày 16/10/2024, hiện do bà G đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà G đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ. Mặt khác, con chung là Võ Tuệ M hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên cần giao con

chung chưa thành niên cho bà G được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên do bà G không yêu cầu.

Xét yêu cầu của ông T về việc trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên là không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà G và ông T đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Về án phí: bà G phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn với ông Võ Văn T.

2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Ngọc G và ông Võ Văn T có 01 con chung tên là Võ Tuệ M, sinh ngày 16/10/2024. Giao con chung chưa thành niên tên là Võ Tuệ M cho bà G tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà G không có yêu cầu.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà G và ông T đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp theo biên lai thu số 0008079 ngày 29/4/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà G đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7- Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã T, tỉnh Vĩnh Long
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Thế Trang Đền